

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 26-7-2023.

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Chí Hữu.

+ Ông Hồ Văn Thái.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Quốc T** - Sinh năm: 1996, địa chỉ: Số A, khu phố B, thị trấn D, huyện E, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thanh T1** - Sinh năm: 1992; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Quốc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh T1 có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày

02/7/2019 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay lừa dối. Anh và chị T1 chung sống đến tháng 4 năm 2020 thì sống ly thân, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể đoàn tụ được nên anh T yêu cầu ly hôn với chị T1, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị T1 chưa có con chung.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T trình bày là không có.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T1 vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa: Anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn*” với chị T1 có địa chỉ tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị T1 vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 30/3/2023, ngày 16/5/2023 nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T, chị T1 là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Anh T và chị T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào năm 2019, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Trên cơ sở lời trình bày của anh T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được anh T và chị T1 có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ

tháng 4 năm 2020 cho đến nay mà không đoàn tụ được, giữa anh chị không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; đồng thời chị T1 không có mặt tại Tòa án để tham dự phiên hòa giải nhằm mục đích đoàn tụ; từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T với chị T1 đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của anh T về việc ly hôn với chị T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh T và chị T1 chưa có con chung nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung và trình bày là không có nợ; chị T1 vắng mặt và không có văn bản yêu cầu gì về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, nợ chung. Đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên anh T phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc T, cụ thể:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T1.

2/ Về con chung: Anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 chưa có con chung nên không xem xét, giải quyết.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Quốc T phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào

số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002456 ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Anh T, chị T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã B;
- VKSND huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên

